



Chương tám

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1955 - 1975)

- Khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế - xã hội (1955 - 1965)
- Đẩy mạnh sản xuất, đánh thắng chiến tranh phá hoại, chi viện tiền tuyến miền Nam (1965 - 1975)

I. KHÔI PHỤC, CẢI TẠO VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (1955 - 1965)

1. Thực hiện cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế (1955 - 1957)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, cả nước bước sang giai đoạn cách mạng mới: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà. Mỗi miền tuy có những nhiệm vụ khác nhau nhưng có chung một mục tiêu là đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau ngày huyện giải phóng (13-5-1955), nhân dân Thủy Nguyên, cùng với miền Bắc, bắt tay ngay vào thực hiện nhiệm vụ hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, chuẩn bị mọi điều kiện tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hậu quả của bao năm chiến tranh để lại hết sức nặng nề. Hầu hết các làng xã bị tàn phá tiêu điều, đặc biệt là các thôn xã nằm trong vành đai trắng của địch. Hệ thống đê điều bị sạt lở, thủy lợi manh mún, cừ cống nhỏ bé, mương máng hầu như chưa có gì, úng lụt, hạn hán đe dọa quanh năm. Ruộng đồng bị bỏ hoang hóa gần 5.000 mẫu. Đồn bốt, boongke, hàng rào dây thép gai, bom mìn của địch vẫn còn ngổn ngang khắp nơi. Các tệ nạn xã hội khá phổ biến. Cùng thời điểm tiếp quản, vụ chiêm năm 1955, hạn hán kéo dài. Nhiều cánh đồng lúa bị khô cháy. Đời sống của nhân dân vốn chật vật, lam lũ, nay càng thêm khó khăn.

Tháng 6-1955, Khu ủy Hồng Quảng điều động một đoàn cán bộ về huyện, cùng với các cấp, các ngành của huyện vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất, cứu đói. Toàn huyện thành lập 12 đội *Tương trợ sản xuất cứu đói*. Phong trào *"Hũ gạo tiết kiệm"*, *"Nhường cơm sẻ áo"* tương trợ nhau trong lúc đói kém được toàn dân hưởng ứng. Đội *Tương trợ sản xuất, cứu đói* của huyện cùng với chính quyền và

Nông hội các xã tiến hành trưng vay tiền, thóc gạo của các gia đình khá giả được 20 tấn thóc, gần 10 triệu đồng và hàng trăm mét vải để cấp cho các gia đình thiếu đói, khó khăn. Không những giúp nhau về vật chất, nhân dân còn tương trợ nhau ngày công và nông cụ, sức kéo trong sản xuất. Nhà nước đã trợ cấp cho nhân dân Thủy Nguyên 300 tấn gạo, hàng vạn mét vải và cho vay 800 triệu đồng vốn để mua sắm trâu bò, nông cụ.

Cùng với những công việc cần kíp phải giải quyết, ổn định tình hình trật tự trị an, cải tạo các đối tượng nguy quân, nguy quyền, quản lý xã hội cũng được triển khai ngay. Công an huyện, tuy chưa được tăng cường lực lượng nhưng vẫn tập trung bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ công an xã, phối hợp với các đoàn thể, ngành, cơ quan triển khai công tác giữ gìn trật tự, trị an. Việc tổ chức số nguy quân, nguy quyền, do thám, chỉ điểm, phản động ra trình diện và nộp vũ khí được tiến hành từ sau ngày ngừng bắn. Công an huyện, xã cùng các địa phương triển khai chặt chẽ. Kết quả có trên 3.000 người ra trình diện.

Sau tiếp quản được ít ngày, nhân dân xã An Lư đã phát hiện một ổ vũ khí (24 khẩu súng và thuốc chữa bệnh) gần bốt Lò Kẽm, ở bãi sù bên sông Cấm, đối diện với Cảng. Công an huyện cùng công an khu Hồng Quảng thu giữ và lập phương án truy tìm đối tượng. Đây là vụ án gián điệp Mỹ (C30). Thực hiện kế hoạch đăng ký hộ khẩu của Vụ Trị an dân cảnh, Công an cùng các xã tiến hành kê khai hộ khẩu và cấp giấy thông hành cho nhân dân, qua đó nắm được tình hình dân số, nắm được con người và nghề nghiệp, quan hệ chính trị - xã hội, số đối tượng đáng quan tâm.

Lực lượng vũ trang tập trung của huyện, trung đội Lê Lợi, được bổ sung cho bộ đội tỉnh Quảng Yên. Cơ quan quản lý, điều hành lực lượng vũ trang huyện do Huyện đội Dân quân đảm nhiệm, theo hệ thống huyện đội, xã đội, thôn đội. Năm 1955, Ban chỉ huy huyện đội có

9 cán bộ, chiến sĩ. Các xã đều phát triển lực lượng dân quân, du kích và nhà máy, xí nghiệp xây dựng tự vệ chiến đấu. Mỗi thôn có từ 1 đến 2 tiểu đội du kích và một trung đội dân quân. Đây cũng là lực lượng chủ công trong khai hoang, phục hóa, khôi phục sản xuất, phát triển văn hóa và các phong trào của địa phương.

Phong trào *"Phá dây thép gai, gài cây chất bốt"* và khai hoang diễn ra sôi nổi ở các xã. Lực lượng vũ trang cùng các đội thanh niên xung phong về các thôn xã tháo gỡ bom mìn, dây thép gai, khai phá các *"vành đai trắng"* để giúp nhân dân sớm dựng lại nhà ở, khôi phục sản xuất. Gần 5.000 mẫu ruộng đất bị bỏ hoang hóa nay được cấy trồng trở lại. Nhờ đó, trong thời gian ngắn, nguy cơ nạn đói cơ bản được khắc phục.

Tình hình sản xuất và đời sống nhân dân đang dần ổn định, ngày 26-9-1955, một cơn bão lớn đổ bộ vào Hải Phòng. Trận bão giữa lúc triều cường, tạo thành những đợt sóng thần từ biển ập vào, tràn qua phá vỡ tuyến đê phía Đông và Đông Nam huyện. Chỉ vài giờ, nước ngập trắng các xã ven biển. Các xã Dương Quan, Hoa Động, An Lư, Tam Hưng... bị tổn thất nặng nhất. Hậu quả của cơn bão để lại thật nặng nề: 51 người chết, 98 căn nhà bị cuốn trôi, gần 400 căn nhà bị đổ, 48 km đê bị vỡ, 25 km đê bị sạt lở, 15.000 mẫu lúa mùa đang *"thì con gái"* bị chìm trong nước mặn.

Đảng, chính quyền huyện và các ban ngành, đoàn thể huyện tập trung chỉ đạo, kịp thời huy động mọi lực lượng tham gia chống bão lụt. Hàng chục ngàn cán bộ, đảng viên, bộ đội và thanh niên vật lộn với mưa to, gió lớn, nước xiết để cứu đê, cứu người, cứu tài sản... Liên tục trong 12 ngày đêm, huyện huy động 80.000 ngày công hàn khẩu những quãng đê bị vỡ nghiêm trọng. Toàn huyện tập trung giải quyết hậu quả, tổ chức cứu đói, phát động phong trào *"Lá lành đùm lá rách"* giúp nhau vượt qua khó khăn. Huyện chuyển ngay 50

tấn gạo đến cứu trợ cho hơn một nghìn hộ vùng bị bão lụt nặng. Nhân dân các xã không bị lụt đã tích cực quyên góp gạo, vải, tiền, vật dụng... gửi giúp các gia đình vùng bị thiệt hại nặng ổn định đời sống.

Cùng với khắc phục hậu quả bão lụt, nhân dân Thủy Nguyên còn tập trung khôi phục sản xuất. Đồng đất Thủy Nguyên luôn bị nhiễm chua mặn. Vụ chiêm thiếu nước ngọt, vụ mùa úng lụt. Vụ chiêm, hàng ngàn hecta ruộng bị bỏ hoang vì thiếu nước. Vụ mùa thường có từ 3.000 đến 5.000 hecta bị úng sau những trận mưa lớn. Ngày 29-11-1955, công trình đắp sông Hàn Ngọc (An Sơn) được khởi công. Tiếp theo, kênh Thủy Hà chống úng và cấp nước cho cánh đồng 3 xã Trung Hà, Ngũ Lão, Thủy Triều... được tiến hành. Nhờ giải quyết được một số công trình thủy lợi trên, vụ chiêm năm 1956, diện tích cấy lúa tăng, năng suất đạt 19 tạ/ha (vụ chiêm 1955 chỉ đạt 15 tạ/ha).

Để hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, Đảng chủ trương tiến hành cải cách ruộng đất, nhằm xóa bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ - phong kiến, thực hiện *"Người cày có ruộng"*. Năm trong vùng tập kết 300 ngày, Thủy Nguyên tiến hành cải cách ruộng đất vào đợt cuối, tháng 3-1956. Công an huyện cung cấp thông tin tình hình nông thôn và các đối tượng của cải cách; lập kế hoạch bảo vệ. Nhiều cán bộ lãnh đạo công an huyện được điều động tham gia Đoàn cải cách. Dưới sự chỉ đạo điều hành trực tiếp của Đoàn ủy cải cách I (Khu ủy Hồng Quảng), cải cách ruộng đất ở huyện diễn ra trong vòng 4 tháng, từ tháng 3 đến tháng 7 năm 1956. Đội cải cách về các xã tổ chức cho nông dân học tập đường lối cải cách, phát động quần chúng vạch mặt địa chủ, cường hào. Trên cơ sở đó, Đội xác định thành phần giai cấp trong nông thôn: Toàn huyện có 332 địa chủ, trong đó có 30 địa chủ cường hào, 26 địa chủ đã theo giặc vào Nam, 28 địa chủ kháng

chiến. Số ruộng đất tịch thu, trưng thu trưng mua là 3.615 mẫu, 6 sào, 11 thước, 358 con trâu bò và nhiều tài sản khác. Trên một vạn nông dân thiếu hoặc không có ruộng được chia ruộng. Bình quân mỗi nhân khẩu được chia 2 sào 5 thước. Những gia đình quá khó khăn còn được chia 1 phần trâu bò, các dụng cụ, tiện nghi sinh hoạt hoặc nhà ở.

Trong quá trình cải cách ruộng đất đã phạm những sai lầm nghiêm trọng: Do gán cải cách ruộng đất với chính đốn tổ chức Đảng, tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể địa phương bị vô hiệu hóa. Do máy móc phân đấu đạt tỷ lệ phần trăm được giao số địa chủ, nên nhiều người bị qui sai thành phần. Trong quá trình định thành phần, Đội cải cách đã dùng hình thức quá khích như đấu tố nhục hình, ép cung, kích động tâm lý thiên cận, hẹp hòi của nông dân nên không ít cán bộ, đảng viên và nhân dân bị xử lý oan. Nhân dân hoang mang, lo lắng. Nội bộ mất đoàn kết, tình hình nông thôn nặng nề, căng thẳng. Do thực hiện cải cách ruộng đất vào đợt cuối nên Thủy Nguyên, cũng như khu tập kết chuyển quân 300 ngày, ít chịu hậu quả như các địa phương khác.

Tháng 8-1956, Trung ương Đảng đã phát hiện những sai lầm và quyết tâm sửa sai công khai. Hồ Chủ tịch gửi thư tới cán bộ, đảng viên và nhân dân, khẳng định thắng lợi, đồng thời cũng chỉ ra những sai lầm trong cải cách ruộng đất. Công tác sửa sai được chia làm hai bước. Đoàn sửa sai về các làng xã, họp nhân dân và xét lại thành phần bị qui oan. Nhiều địa chủ tham gia kháng chiến và những gia đình bị qui sai là địa chủ nay được trả lại ruộng đất, tài sản. Những cán bộ, đảng viên và quần chúng bị nghi oan cũng được phục hồi danh dự và bố trí công tác. Tháng 11-1956, Hội nghị cán bộ huyện đánh giá tình hình sửa sai bước một và đề ra nhiệm vụ kết hợp sửa sai bước hai với việc xây dựng phong trào tổ đổi công theo xóm, nhóm dân cư. Khi Đoàn cải cách rút đi, toàn huyện đã có 800 tổ

đổi công nhưng hầu hết hoạt động kém hiệu quả. Xã Thiên Hương được chọn làm thí điểm xây dựng 45 tổ đổi công, trong đó có 3 tổ bình công chấm điểm, 5 tổ hoạt động thường xuyên. Đến cuối năm 1957, toàn huyện củng cố 449 tổ, trong đó có 10 tổ bình công chấm điểm và hoạt động thường xuyên. Các tổ đổi công hoạt động trên tinh thần hiệp tác, đổi công cho nhau để sản xuất, nhất là trong mùa, vụ cấy, gặt, đổi công giúp nhau xây dựng nhà cửa...

Trong thực hiện sửa sai, tỉnh đã chọn nhiều cán bộ, chiến sĩ, bộ đội địa phương tham gia Đoàn sửa sai về huyện, xã giúp cấp ủy, chính quyền. Nhiều cán bộ xã đội, thôn đội được phục hồi chức vụ. Nhiều dân quân, du kích được trở lại công tác. Tỉnh Quảng Yên và Quân khu đã tăng cường một số cán bộ quân sự cho huyện Thủy Nguyên. Ban Chỉ huy huyện đội được kiện toàn. Lực lượng dân quân, du kích các xã được củng cố. Cán bộ xã đội, thôn đội, du kích nòng cốt của các xã được các cấp ủy địa phương, huyện đội đả thông tư tưởng. Các xã mở đại hội du kích giúp anh em nhận thức rõ yêu cầu tăng cường lực lượng và xác định nhiệm vụ trong tình hình mới. Thời kỳ này, Ban Chỉ huy huyện đội có 11 cán bộ, chiến sĩ; cán bộ xã đội có 100 người (trong đó có 45 đảng viên); cán bộ thôn đội có 582 người.

Tháng 1-1957, huyện tổ chức đại hội quân nhân phục viên, gần 200 đại biểu thay mặt cho hơn 600 bộ đội phục viên về dự. Đại hội (họp trong 3 ngày ở đình làng Trinh Xá) thảo luận chính sách khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố quốc phòng và trách nhiệm của quân nhân khi về địa phương. Sau đó, công tác hậu phương quân đội được quan tâm hơn. Bộ đội phục viên, thương binh, gia đình liệt sĩ được chia ruộng, trợ cấp khó khăn, khám chữa bệnh. Nhiều người tham gia công tác tại địa phương.

Nhiệm vụ xây dựng thế trận, sẵn sàng chiến đấu được đẩy mạnh. Các lực lượng vũ trang huyện tập trung thực hiện nhiệm vụ

bảo vệ quê hương, sẵn sàng gia nhập quân đội, trực tiếp chiến đấu. Dân quân, tự vệ thường xuyên được huấn luyện nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật tiến công, phòng ngự, phục kích, tập kích và khả năng cơ động. Đợt học tập chính trị và huấn luyện quân sự năm 1959, toàn huyện có 4.416 dân quân, trong đó dân quân 1 là 2.131, dân quân 2 là 1.534 và 432 cán bộ xã đội, trung đội, tiểu đội dân quân. Lực lượng dân quân lồng ghép vào hợp tác xã nông nghiệp, biên chế thành trung đội, tiểu đội, không theo thôn đội, xóm như trước.

Ngày 20-1-1959, Thành ủy ra chỉ thị số 03/CT-TU về tăng cường sự lãnh đạo công tác nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng hậu bị, củng cố dân quân dự bị. Giữa năm 1960, trong đợt khám tuyển quân thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự đầu tiên bổ sung quân thường trực, huyện Thủy Nguyên đã có hơn 200 thanh niên trúng tuyển nhập ngũ. Đây là đợt thực hiện nghĩa vụ quân sự đầu tiên, được Huyện ủy lãnh đạo chặt chẽ. Các ngành, nhất là Huyện đội, Huyện Đoàn Thanh niên, Huyện hội Phụ nữ phối hợp tiến hành, tạo được ý thức tốt trong thanh niên và toàn dân đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Thực hiện công tác hậu phương quân đội, Ban chỉ huy Huyện đội phối hợp với bộ phận chính sách kê khai, đề nghị trên tặng 1.518 Bảng gia đình vẻ vang, 34 Bảng vàng danh dự, 81 Bảng Tổ quốc ghi công; vận động nhân dân xây dựng 4 nghĩa trang liệt sĩ ở 4 khu vực, quy tập mộ liệt sĩ hy sinh trong kháng chiến chống Pháp.

2. Cải tạo xã hội chủ nghĩa, xác lập quan hệ sản xuất mới (1958 - 1960)

Sau 3 năm tiến hành khôi phục kinh tế, miền Bắc bước vào thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhằm xóa bỏ mọi chế độ người bóc lột người ở nước ta”. Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương,

tháng 11-1958, chủ trương bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa trong 3 năm (1958-1960) và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ, kinh tế tư bản tư doanh, trong đó trọng tâm trước mắt là cải tạo thành phần kinh tế cá thể của nông dân. Đi đôi với cải tạo, phải ra sức phát triển các thành phần kinh tế quốc doanh là lực lượng chính lãnh đạo nền kinh tế quốc dân.

Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên thuộc khu Hồng Quảng sáp nhập trở lại thành phố Hải Phòng, trong đó có thêm các xã Minh Tân, Minh Đức, Lưu Kiếm, Liên Khê (thuộc huyện Yên Hưng). Việc chuyển Thủy Nguyên về Hải Phòng có tầm quan trọng góp phần xây dựng thành phố công nghiệp - hải cảng, đồng thời tạo nhiều thuận lợi cho việc xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa của huyện.

Mùa thu năm 1958, miền Bắc tiến hành đợt thí điểm về hợp tác xã nông nghiệp. Nông dân, ngư dân được tổ chức vào tổ đổi công. Ở Thủy Nguyên, từ trước và sau cải cách ruộng đất, hầu hết các làng xã đã hình thành tổ đổi công với nhiều hình thức khác nhau. Năm 1958, Thủy Nguyên có 1.077 tổ đổi công nhưng vẫn chủ yếu là đổi công từng vụ việc. Huyện ủy chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng tổ đổi công thường xuyên, có bình công, chấm điểm ở các xã, tạo cho bà con nông dân quen dần với cách làm ăn tập thể. Đầu năm 1959, các cấp ủy đảng tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập Nghị quyết số 16/NQ-TW của Trung ương Đảng về nội dung của cuộc vận động hợp tác hóa và vận dụng vào tình hình thực tế của địa phương.

Từ đầu năm 1958, cùng với việc mở rộng xây dựng tổ đổi công, Thủy Nguyên thành lập thí điểm hợp tác xã nông nghiệp ở thôn Trinh Hương (xã Thiên Hương) và hợp tác xã tín dụng ở xã Hợp Thành. Tiếp đó, giữa năm 1958, 9 hợp tác xã nông nghiệp được thành lập ở Hợp Thành, Quảng Thanh, Thủy Đường...

đạt 22% số hộ nông dân toàn huyện vào hợp tác xã. Đến cuối năm 1959, toàn huyện có 117 hợp tác xã, trong đó đã có 1 hợp tác xã bậc cao ở Tân Dương; năm 1960, có 212 hợp tác xã, trong đó có 11 hợp tác xã bậc cao, đạt 81% hộ nông dân trong huyện vào hợp tác xã. Trước thực tế “*Phát triển nông*”, huyện Thủy Nguyên được thành phố chỉ đạo: Những xã đã đạt 60% số hộ nông dân vào hợp tác xã thì lấy củng cố là chính. Sau hơn một tháng thực hiện, huyện Thủy Nguyên đã tiến hành củng cố 56 hợp tác xã ở 28 xã. Việc vận động nông dân vào làm ăn tập thể với tốc độ nhanh đã dẫn đến vi phạm nguyên tắc *tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi*. Trong quá trình thực hiện vận động, các địa phương có tư tưởng nóng vội, chạy theo thành tích... Do vậy, trong chỉ đạo đã dùng nhiều biện pháp thúc ép nông dân vào hợp tác xã. Số đông nông dân tham gia hợp tác xã nông nghiệp không phản ánh đúng thực chất là tự nguyện, dân chủ. Qua mấy vụ sản xuất, tư tưởng xin ra làm ăn riêng lẻ xuất hiện.

Với khí thế mới của phong trào hợp tác hóa và tác dụng nhất định bước đầu của sự hợp tác về lao động, quan hệ sản xuất mới, tính đoàn kết, tính cộng đồng được phát huy. Vấn đề cơ bản về kinh tế, hợp tác xã bậc thấp còn chia hoa lợi ruộng đất, trâu bò, nông cụ chính nên nông dân có phần nào vẫn yên tâm, tin tưởng. Các phong trào làm thủy lợi, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cải tiến nông cụ phát triển khá rầm rộ. Kết quả của phong trào đẩy mạnh sản xuất, cải tiến kỹ thuật trong nông nghiệp được thể hiện rất rõ trong năm 1959. Năng suất lúa bình quân đạt

trên 50 tạ/ha (2 vụ), tổng sản lượng lương thực đạt 44.000 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt trên 300kg/năm. Đàn trâu bò gần 10.000 con, đàn lợn và đàn gia cầm phát triển.

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể khác, huyện Thủy Nguyên tổ chức nhiều đợt học tập về tình hình, nhiệm vụ mới. Đến thời điểm này, huyện Thủy Nguyên có nhiều thành phần kinh tế: 3.000 hộ tiểu thương, 5.000 hộ làm nghề thủ công, trên 2.000 hộ làm nghề biển, giao thông vận tải... Huyện tiến hành vận động các hộ vào hợp tác xã thủ công nghiệp, ngư nghiệp, mua bán, tín dụng. Bước đầu, huyện thành lập được 12 hợp tác xã thủ công nghiệp, gồm các nghề rèn, đúc, làm đá, nung vôi, may mặc... Các xí nghiệp nông trường quốc doanh cũng được thành lập trên địa bàn huyện, như khai thác đá vôi ở Trại Sơn, Minh Đức; lò cao ở cầu Giá (19-5), công trường Phù Ninh (lấy đất làm nhà máy đóng tàu Bạch Đằng, Hải Phòng). Các đơn vị trên đã thu hút hàng ngàn



Lúa nông nghiệp 5 tại ruộng thí nghiệm và học tập của thầy và trò Trường cấp II Lâm Động

nhân công trong nông nghiệp phục vụ công nghiệp. Ngành thương nghiệp quốc doanh huyện đã xây dựng được 2 cửa hàng lưu động,

5 lò mổ, 16 cửa hàng bách hóa, 2 cửa hàng được để phục vụ đời sống nhân dân.

Cùng với xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, các cấp ủy, chính quyền còn triển khai cuộc vận động thành lập hợp tác xã mua bán, tín dụng. Các hợp tác xã mua bán, tín dụng cùng với hợp tác xã nông nghiệp (ngư nghiệp) tạo thành phong trào *Ba ngọn cờ hồng* ở nông thôn. Các hợp tác xã này đã góp phần hỗ trợ đắc lực cho phát triển kinh tế và phục vụ đời sống nhân dân.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội: Công tác thanh toán nạn mù chữ; xây dựng, củng cố các trường phổ thông là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong thời kỳ này. Ban Chỉ đạo thanh toán nạn mù chữ được thành lập từ Trung ương đến các xã, thị trấn. Đại hội diệt dốt đã động viên đông đảo các ngành, đoàn thể và quần chúng tham gia. Các đoàn thể đi sâu vào vận động từng hội viên, đoàn viên tham gia học tập. Sở Giáo dục phối hợp với Thành đoàn Thanh niên Lao động (Thành đoàn thành lập các Đội thanh niên xung phong diệt dốt) cử nhiều đoàn kiểm tra và giáo viên Bình dân học vụ trực tiếp giúp đỡ những xã trọng điểm. Kết quả trong 3 năm (1958-1960), huyện Thủy Nguyên cơ bản thanh toán nạn mù chữ. Về giáo dục phổ thông, các xã đều mở lớp vỡ lòng, từ 3 đến 5 lớp cấp I. Năm học 1959-1960, tổng số học sinh cấp I của toàn huyện là 10.000 em; 2 trường cấp II được xây dựng, có hơn 600 học sinh.

Về y tế, năm 1960, toàn huyện xây dựng thêm 9 trạm xá. Mạng lưới vệ sinh viên ở hầu khắp các thôn xóm đã phục vụ tốt yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân. Tỷ lệ trẻ sơ sinh chết giảm rõ rệt. Các làng xã đều thực hiện qui ước về phong trào vệ sinh “*Ba sạch*”, phát động phong trào xây bể nước, đào giếng, làm hố xí hai ngăn, nhà tắm đơn giản, làm sạch xóm làng. Các bệnh sốt rét, đậu mùa, tả, bại liệt... giảm nhiều.

Công tác giữ gìn an ninh, trật tự, công tác quân sự địa phương được thực hiện tốt. Năm 1960, thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự đầu tiên, huyện Thủy Nguyên có hơn 200 thanh niên nhập ngũ. Phong trào giữ gìn trật tự trị an được nhân dân hưởng ứng tích cực. Tình trạng trộm cắp, cướp giết, gây trọng án hầu như không có. Lực lượng dân quân, công an đã kịp thời trấn áp, ngăn chặn một số phần tử xấu có những hoạt động phá hoại. Cải cách ruộng đất giành được thắng lợi cơ bản, xóa bỏ giai cấp địa chủ và chế độ phong kiến. Sau sửa sai, lực lượng công an xã được củng cố và thực hiện công tác nắm chắc các đối tượng chính trị, hình sự. Các cấp ủy viên được phân công làm Trưởng Công an xã và mỗi xã có 1 hoặc 2 Phó Công an giúp việc. Mỗi xóm có 1 công an viên, hầu hết do trưởng xóm kiêm nhiệm.

Về an ninh chính trị, lúc này diễn biến phức tạp, đáng quan tâm là một số phần tử phản động lợi dụng đồng bào theo đạo Thiên Chúa chuẩn bị tổ chức “*Năm Thánh*” (2/1958-2/1959) tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chính sách, kích động tinh thần “*Tử vì đạo*”, làm cho giáo dân lo ngại không tham gia các cuộc vận động xây dựng tổ đổi công... Công an huyện đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, cấp ủy, chính quyền địa phương, phòng Bảo vệ chính trị nội bộ Công an thành phố vận động giáo dân, thông qua những giáo dân tiến bộ giúp, đã phát hiện những tay chân cốt cán và đề nghị quản chế những kẻ cầm đầu.

Đầu năm 1959, Công an huyện tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện tổ chức hội nghị triển khai chỉ thị số 835 của Bộ Công an về “*Mở cuộc vận động nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác đấu tranh với mọi hoạt động của bọn tội phạm hình sự*”. Cuộc vận động đã góp phần ổn định tình hình trật tự trị an. Các phong trào của địa phương phát triển sôi nổi.

Cuối năm 1959 đầu năm 1960, thi hành kế hoạch của Sở Công an, Công an huyện đã

đề xuất với Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện chỉ đạo các xã, cơ quan, xí nghiệp phát động phong trào quần chúng tham gia bảo vệ trị an ngoài xã hội và bảo mật phòng gian trong cơ quan, thi đua với xã Yên Phong (Yên Mô tỉnh Ninh Bình). Huyện tổ chức hội nghị hướng dẫn nội dung phong trào và đấu tranh chống phản tuyên truyền, chiến tranh tâm lý, giáo dục, cải tạo tệ nạn phản động, đấu tranh chống bọn tội phạm hình sự. Công an huyện tiến hành thí điểm tại xã Mỹ Đồng, nơi có trục đường giao thông, có hợp tác xã nông nghiệp, thủ công và phong trào văn hóa, văn nghệ phát triển, qua đó rút kinh nghiệm phát động ra toàn huyện.

Trong những năm nằm sâu trong vùng tạm bị chiếm, Thủy Nguyên có số nạn nhân, nạn nhân, gián điệp, chỉ điểm khá đông. Trong số họ, phần đông là người lao động đã thực sự cải tạo tiến bộ, không ít người chưa thật sự an tâm, thậm chí vẫn có người có hành động chống đối. Thực hiện chủ trương của Trung ương nhằm thu hẹp, tiến tới xóa bỏ cơ sở xã hội mà kẻ địch có thể lợi dụng, làm trong sạch địa bàn đồng thời tiếp tục tiến hành cải tạo đối tượng tệ nạn. Thành ủy giao Sở Công an cùng các ban ngành, đoàn thể và Huyện ủy Thủy Nguyên chỉ đạo thí điểm ở các xã Hợp Thành, Tam Hưng, Phục Lễ (cùng với xã Đằng Lâm huyện Hải An và tiểu khu Thống Nhất ở nội thành) để rút kinh nghiệm. Đợt thí điểm tiến hành từ ngày 15-5 đến 20-6-1960.

3. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)

Tháng 9-1960, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III xác định nhiệm vụ của cách mạng hai miền và quyết định kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc, nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

Tháng 5-1961, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ III thông qua phương hướng nhiệm vụ của Thủy Nguyên trong kế

hoạch 5 năm (1961 - 1965): *“Lấy sản xuất lương thực là chủ yếu đồng thời phải coi trọng sản xuất thực phẩm nhất là thịt, cá, các loại rau quả và một số cây công nghiệp để đảm bảo một phần cung cấp cho nhân dân nội thành”*. Cán bộ, đảng viên và nhân dân Thủy Nguyên phấn khởi, tin tưởng bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Các phong trào thi đua *Sóng Duyên Hải* trong công nghiệp, *Gió Đại Phong* trong nông nghiệp, *Thành Công* trong tiểu thủ công nghiệp, *Cờ Ba Nhất* trong lực lượng vũ trang, *Trống Bắc Lý* trong giáo dục được phát động sâu rộng trong toàn huyện.

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, Thủy Nguyên có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn. Đến thời kỳ này, nhiều hợp tác xã nông nghiệp bộc lộ trình độ quản lý yếu kém, lúng túng trong việc điều hành sản xuất và phân phối sản phẩm, năng suất lúa thấp, thu nhập của xã viên kém, hàng ngàn hộ nông dân làm đơn xin ra hợp tác xã. Thủy Nguyên triển khai công tác cải tiến quản lý hợp tác xã, đưa nhanh các hợp tác xã qui mô nhỏ lên qui mô vừa và lớn, nâng lên bậc cao, xóa bỏ chia hoa lợi ruộng đất, thực hiện phân phối sản phẩm theo lao động dưới hình thức xếp bậc công việc, định tiêu chuẩn tính công đối với mọi hoạt động trong hợp tác xã. Cải tiến quản lý hợp tác xã được tiến hành làm 2 đợt: Đợt một chủ yếu xác định phương hướng sản xuất, xây dựng các chế độ, nội qui; đợt 2 đi vào xây dựng cơ sở vật chất cho hợp tác xã: thủy lợi, phân bón, giống và các biện pháp kỹ thuật. Các hợp tác xã 1/5 (Phục Lễ), Hiệp Hưng (Liên Khê), Thống Nhất (Thiên Hương), Núi Hai (Thủy Đường), Hoàng Tiến (Hoàng Động), Tân Tiến (An Sơn) được chọn làm nơi chỉ đạo điểm.

Sau khi sơ kết đợt 1, thực hiện chủ trương *“Cải tiến quản lý phải đi đôi với cải tiến kỹ thuật”*, các hợp tác xã được trang bị nông cụ sản xuất, tăng cường các biện pháp

khoa học kỹ thuật trong gieo trồng và chăn nuôi. Máy cày được đưa vào cày thí điểm ở đồng ruộng Hòa Bình, Chính Mỹ, Thiên Hương; 12 trạm bơm điện được đưa vào sử dụng. Cùng thời gian này, nhiều nhà máy trong nội thành đã cử những công nhân ưu tú về tổ chức kết nghĩa, giúp các hợp tác xã nông nghiệp nông cụ cải tiến, đào tạo thợ cơ khí sửa chữa nông cụ. Năm 1960, toàn huyện có 212 hợp tác xã, phần nhiều là bậc thấp, đến 1965, sáp nhập còn 179 hợp tác xã, với qui mô thôn và hầu hết là bậc cao.

Năm 1961, năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm, tổng diện tích gieo trồng cả năm của huyện là 16.000 ha, trong đó lúa chiếm 13.000 ha, khoai 1.300 ha, sắn và rau các loại gần 2.000 ha. Huyện tiến hành cải tiến quản lý và củng cố các hợp tác xã, tăng cường công tác thủy lợi và cải tiến kỹ thuật. Tuy vậy, năng suất lúa vẫn đạt thấp, phong trào hợp tác xã chuyển biến chậm vì còn nóng vội đưa lên qui mô lớn và hình thức bậc cao quá nhanh, trong khi trình độ và lực lượng sản xuất vẫn rất lạc hậu, trình độ quản lý kinh tế thấp, vốn cho sản xuất thiếu... Cuối năm 1962, đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thăm và làm việc với Đảng bộ, nhân dân Thủy Nguyên. Đồng chí động viên những cố gắng của Đảng bộ và nhân dân trong huyện, đã thẳng thắn chỉ ra những mặt yếu kém của huyện, nhất là sự lãnh đạo thiếu sâu sát cụ thể của Ban Thường vụ Huyện ủy đối với sản xuất nông nghiệp.



Chống hạn, năm 1960

Những năm 1961-1965, Thủy Nguyên tập trung cao cho công tác thủy lợi, nhằm tạo chuyển biến căn bản trong sản xuất nông nghiệp và phục vụ dân sinh. Đầu năm 1961, huyện mở chiến dịch đắp đê mang tên *Bạch Đằng nổi sóng*, từ ngày 1 đến ngày 15-4-1961. Cuộc mít tinh ra quân có tới 6.108 người tham dự. Công trường đắp đê trải dài trên 10 km từ các xã Hoàng Động, Hoa Động, Lâm Động, Tân Dương đến Phả Lễ, Lập Lễ, Minh Đức. Với vị trí trọng yếu của tuyến đê này, các cụm xã đã huy động tới 2.800 người (có 480 nữ) thường xuyên có mặt trên công trường. Với phong trào thi đua, các đơn vị đã đào đắp 83.648 m³ đất đá bồi đắp nâng cao tuyến đê dài trên 10 km, hoàn thành chỉ tiêu đắp đê năm 1961. Vụ Đông - Xuân năm 1963, Thủy Nguyên gặp hạn hán kéo dài 5 tháng liền. Với tinh thần quyết tâm chống thiên tai, nhân dân các xã trong huyện tích cực làm thủy lợi với khẩu hiệu *“Vất đất ra nước, thay trời làm mưa”*. Điển hình là xã Đông Sơn. Kinh nghiệm phát động quần chúng của Đông Sơn đã được nhân thành phong trào rộng lớn của nhân dân toàn huyện. Thành phố đầu tư kinh



Đập đập ngăn sông Giá (hồ Đà Nẵng), năm 1964

phí bắc đường ống dẫn nước ngọt qua sông Kinh Thầy. Nhờ có nguồn nước này, vụ mùa năm 1963, Thủy Nguyên cấy được 15.000 ha lúa, tăng 2.000 ha so với năm trước, năng suất thu hoạch bình quân đạt 26 tạ/ha. Tiêu biểu nhất là công trình thủy lợi đập chặn hai đầu sông Giá, tạo hồ trữ nước ngọt. Từ tháng 6-1964 đến tháng 5-1965, công trình được hoàn thành đúng dịp kỷ niệm 75 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với chiều dài 17 km, rộng trung bình gần 300 mét, hồ chứa nước ngọt sông Giá được mang tên hồ Đà Nẵng - thành phố kết nghĩa với Hải Phòng - có sức chứa gần 17 triệu mét khối nước, đảm bảo đủ nguồn nước dự trữ cho huyện. Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Phó Thủ tướng Phạm Hùng đã về thăm, đánh giá cao nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân Thủy Nguyên.

Ngành thủ công nghiệp, vật liệu xây dựng, giao thông vận tải, những thế mạnh của huyện được mở rộng cơ sở sản xuất và nơi tiêu thụ sản phẩm. Các hợp tác xã đúc gang Phương Thành, mộc - rèn Hồng Tâm (Mỹ Đồng), Quyết Thắng (Thiên Hương), các lò vôi, lò gạch... đều có các sản phẩm cung cấp cho thành phố, các huyện bạn và còn bán đi

nhiều địa phương như Hà Nội, Thái Bình, Nam Hà... với doanh số hàng chục triệu đồng mỗi năm.

Về lĩnh vực văn hóa - xã hội, tuy đời sống vật chất còn nhiều khó khăn, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân vẫn được cải thiện rõ rệt. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của quần chúng được duy trì và phát triển. Mạng lưới truyền thanh được đầu tư xây dựng đến các thôn xóm. Mỗi xã có Ban phụ trách công tác thông tin tuyên truyền và

văn hóa quần chúng. Hằng năm, huyện đều tổ chức Hội diễn văn nghệ quần chúng. Các xã Hợp Thành, Mỹ Đồng, Thủy Đường... là những đơn vị dẫn đầu phong trào văn hóa, văn nghệ của huyện.

Về giáo dục, năm 1965, Thủy Nguyên đã có 2 trường cấp III là Quảng Thanh và Thủy Sơn, với 1.700 học sinh. Các xã có một trường cấp I, cấp II, số học sinh gần 40.000 em. Nếu tính cả học sinh võ lòng, toàn huyện có hơn 4 vạn em, bình quân cứ 3 người dân có một người đi học. Công tác xóa nạn mù chữ được chuyển dần thành phong trào học bổ túc văn hóa, nhất là trong thanh niên. Ngành giáo dục đẩy mạnh phong trào *Trống Bắc Lý*, thi đua với điển hình trường Bắc Lý (Nam Hà). Chất lượng dạy và học được nâng lên.

Mạng lưới khám chữa bệnh phát triển nhanh. Phong trào vệ sinh, phòng bệnh, với nội dung *Ba sạch, Bốn diệt* (ăn sạch, uống sạch, ở sạch; diệt ruồi, diệt muỗi, diệt chuột, diệt dịch); xây dựng 3 công trình vệ sinh (giếng nước, nhà tắm đơn giản, nhà xí 2 ngăn) được toàn dân hưởng ứng. Đến cuối năm 1965, toàn huyện xây dựng thêm 11 bệnh xá, 22 trạm xá.

Để nâng cao chất lượng công tác, công an huyện đã xây dựng mạng lưới cơ sở bí mật ở những địa bàn xung yếu quan trọng, trên trục đường giao thông và nơi tập trung sinh hoạt công cộng nhưng số lượng ít, chất lượng thấp, không bảo đảm quán xuyên đối tượng, địa bàn. Việc xây dựng và sử dụng đặc tình cũng còn hạn chế. Quản lý hành chính còn đơn giản trong quản lý tạm trú, tạm vắng, cấp giấy thông hành.

Thành ủy chỉ đạo nhiệm vụ trọng tâm của công tác trị an, quốc phòng: Giáo dục sâu rộng trong các cấp, các ngành và toàn dân nâng cao cảnh giác, đẩy mạnh cuộc vận động bảo mật, phòng gian và phong trào quần chúng bảo vệ trị an, tăng cường xây dựng lực lượng công an, dân quân tự vệ mạnh, trấn áp phản cách mạng, sẵn sàng đập tan mọi hoạt động phá hoại của địch. Thủy Nguyên là huyện có dân số đông, địa dư rộng, nằm trên địa bàn có tầm chiến lược quan trọng của thành phố Cảng Hải Phòng. Các cấp ủy đảng, chính quyền triển khai nghiêm túc chủ trương trên. Công tác bảo vệ nội bộ được tăng cường. Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển sâu rộng. Huyện đội và Công an huyện lập kế hoạch phối hợp mở nhiều đợt *"Khoanh vùng trấn phản"* ở Lại Xuân, Hợp Thành, Dương Quan, Thủy Triều, Tam Hưng, Phục Lễ... Công tác trị an vừa chủ động tiến công vừa phòng ngừa, làm tan rã ý chí chống đối và chỗ dựa của địch. Ta đã phát hiện và nghiêm trị kịp thời một số tên trong các tổ chức phản động của *Đảng Nhân dân cách mạng* ở Lại Xuân, *Đảng Thanh niên chống Cộng* ở Hợp Thành, *Đảng Đệ tử liên minh* ở Tam Hưng và một số phần tử chống đối ở Phục Lễ... Những phần tử nguy hiểm nhất

đều được rà soát, phân loại để quản lý, giáo dục. Một số tên cầm đầu đã được đưa đi cải tạo.

Âm mưu tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mỹ ngày càng lộ rõ. Cuối năm 1963, Chính phủ ra Nghị quyết 112-CP về tổ chức phòng không nhân dân. Bộ Quốc phòng ra Chỉ thị 157- B về công tác phòng không. Tháng 11-1963, thành phố xây dựng kế hoạch phòng không nhân dân. Tháng 6-1964, Bộ Chính trị ra chỉ thị tăng cường công tác phòng không, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Các chủ trương trên được Đảng bộ, quân và dân huyện Thủy Nguyên triển khai khẩn trương, nghiêm túc. Trước tình hình đó, nhiệm vụ trọng tâm của công tác trị an, quốc phòng: Giáo dục sâu rộng trong các cấp, các ngành và toàn dân nâng cao cảnh giác, đẩy mạnh cuộc vận động bảo mật, phòng gian và phong trào quần chúng bảo vệ trị an, tăng cường xây dựng lực lượng công an, dân quân tự vệ mạnh, trấn áp phản cách mạng, sẵn sàng đập tan mọi hoạt động phá hoại của địch.

Nhiệm vụ xây dựng lực lượng, huấn luyện quân sự và sẵn sàng chiến đấu được đẩy mạnh. Mỗi hợp tác xã nông nghiệp thành lập 1 trung đội dân quân. Dân quân ở các xã,



Dân quân Phục Lễ luyện tập sẵn sàng chiến đấu

tự vệ chiến đấu ở các cơ quan, xí nghiệp được học tập kỹ thuật, chiến thuật. Huyện đã tổ chức nhiều cuộc diễn tập bảo vệ làng xóm, xí nghiệp, chống địch đổ bộ đường biển, chống biệt kích... Quân khu và thành phố đã chọn thôn Trinh Hương, xã Thiên Hương, để tổ chức diễn tập “Chiến đấu bảo vệ làng”. Nhân dân Trinh Hương đã rào 200 mét hàng rào tre quanh làng, đào 400 mét hào giao thông, bố trí hệ thống trận địa đánh địch nhiều tầng, nhiều hướng, với mọi thứ vũ khí, kể cả



Phụ nữ Thủy Nguyên đảm nhiệm sản xuất và công tác thay thế cho nam giới đi chiến đấu

hầm chông. Trận diễn tập này đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý cho sự chỉ đạo chung của thành phố.

Thất bại ngày càng nặng nề ở miền Nam, sau khi dựng lên cái gọi là “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ dùng không quân và hải quân tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc. Chiến tranh lan ra cả nước. Quân và dân Thủy Nguyên tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng vừa sản xuất vừa chiến đấu, tích cực chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

II. ĐẨY MẠNH SẢN XUẤT, ĐÁNH THẮNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI, CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN (1965 - 1975)

Từ tháng 2-1965, không quân Mỹ liên tục mở chiến dịch từng bước “leo thang” bắn phá miền Bắc với quy mô ngày càng ác liệt. Hải quân Mỹ cho tàu chiến, máy bay bắn phá các đảo và mục tiêu ven biển, nhằm phá hủy hệ thống quan sát, báo động từ xa, chuẩn bị cho những đợt đánh phá qui mô lớn vào cơ sở kinh tế, quốc phòng của miền Bắc.

Cuối tháng 5-1965, Ban Thường vụ Huyện ủy họp, nhận định: “Địch muốn phong tỏa Cảng thì chúng sẽ phải đánh phá các mục tiêu quân sự, kinh tế, giao thông thủy bộ và vùng đông dân cư của huyện” và đề ra nhiệm vụ: “Chuyển hướng kịp thời mọi mặt hoạt động sang thời chiến, xây dựng lực lượng vũ trang mạnh về mọi mặt, nâng cao tinh thần tự lực tự cường, quyết tâm đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, ra sức phát triển kinh tế, củng cố hậu phương lớn mạnh”. Các cấp ủy, các ngành đẩy mạnh tuyên truyền

về công tác phòng không nhân dân; thành lập Ban Chỉ đạo công tác phòng không từ huyện đến cơ sở. Các ngành quân sự, công an, giao thông, giáo dục, y tế, văn hóa, lương thực, các xã, đoàn thể... đều phải xây dựng kế hoạch triển khai công tác phòng không nhân dân, bảo đảm an toàn người, tài sản; tổ chức chiến đấu, phục vụ chiến đấu và giải quyết hậu quả; giữ vững sản xuất, ổn định đời sống; chi viện cho tiền tuyến... Các ủy viên Thường vụ Huyện ủy được phân công chịu trách nhiệm các công việc cụ thể và các cụm xã. Chế độ giao ban, trực chỉ huy, chỉ đạo được thực hiện chặt chẽ.

Ban Thường vụ Huyện ủy ra Nghị quyết về Xây dựng cụm, làng chiến đấu, với quyết tâm: *Phát động truyền thống chiến tranh nhân dân của toàn huyện, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh phá hoại, kể cả đế quốc Mỹ liều lĩnh gây ra chiến tranh trên đất liền miền Bắc, đồng thời qua việc xây dựng cụm, làng chiến đấu mà không ngừng đẩy mạnh sản xuất và các mặt công tác khác.* Các cấp, các ngành của huyện khẩn trương triển khai xây dựng cụm làng chiến đấu ở các xã trọng điểm: Hoa Động, Lâm Động, Hoàng Động, Phục Lễ, Tam Hưng, Minh Đức, Lưu Kiếm, Liên Khê, Quảng Thanh, Kiên Bái, Đông Sơn. Các cụm làng chiến đấu được xây dựng theo thể liên hoàn, có phương án tác chiến phù hợp với nhiều tình huống khác nhau. Ban Chỉ huy Huyện đội, Công an huyện cùng các ban ngành, đoàn thể, phối hợp chặt chẽ triển khai nghị quyết, nhằm xây dựng “Mỗi xóm làng là một pháo đài kiên cố, mỗi người dân là một chiến sĩ kiên cường”. Lực lượng dân quân tự vệ được sắp xếp lại, biên chế thành các trung đội, tiểu đội giao thông, quân báo, cứu thương, cứu sập hầm, bắn máy bay và đánh địch đổ bộ đường thủy...

Đầu năm 1965, tổng số dân quân tự vệ của huyện lên tới 11.000 người, được biên chế thành 2 tiểu đoàn, 77 đại đội, 291 trung đội, 879 tiểu đội, trong đó tự vệ ở các cơ quan, xí nghiệp là 1.200 người. Trung đội dân quân trực chiến tập trung của huyện, gồm 33 chiến sĩ (mỗi xã một người), do Huyện đội trực tiếp chỉ huy, được biên chế thành 4 phân đội, trang bị súng trường, 4

đại liên, 6 khẩu 12ly7, 14ly5. Ngoài ra, huyện còn thành lập 12 tổ săn máy bay ở các xã, cơ quan, xí nghiệp: Phục Lễ, Lại Xuân, tự vệ mỏ đá Tràng Kênh, Lò cao 19/5, đơn vị 19/8, 23/9... tổ chức trực chiến, tạo thành lưới lửa tầm thấp, sẵn sàng đánh trả máy bay Mỹ. Mỗi xã có từ 50 đến trên 100 dân quân được bố trí hiệp đồng chiến đấu và phục vụ chiến đấu với các đơn vị bộ đội. Số dân quân tự vệ chiếm tỷ lệ 6,8% so với dân số, trong đó, đảng viên chiếm 72%.

Trên địa bàn huyện, lực lượng phòng không quân đội xây dựng 31 trận địa tên lửa và pháo cao xạ, bố trí ở các xã Tân Dương, Thủy Triều, Trung Hà, Cao Nhân, Thiên Hương... tạo thành lưới lửa tầm trung, tầm cao bảo vệ thành phố. Hưởng ứng *Tuần lễ Đoàn kết quân dân* do thành phố phát động, nhân dân các xã đã đóng góp gần 400.000 ngày công lao động, 105.000 bó rào tre, 120.000 cây tre, gỗ, tham gia xây dựng 31 trận địa, 168 ụ pháo.

Về công tác phòng không nhân dân, thực hiện phương châm *Làm tốt công tác phòng tránh, lấy việc làm hầm hào vững chắc*



Nữ dân quân xã Phục Lễ chuyển pháo vào trận địa (năm 1965)



Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm Bộ Tư lệnh Hải Quân tại hang Vua, năm 1965

phòng tránh tại chỗ là chủ yếu, các xã, nhà máy, xí nghiệp, cơ quan, trường học đã kết hợp vừa làm hầm hào vừa thực hiện sơ tán, phân tán. Ủy ban hành chính huyện phát động chiến dịch đào hầm hào phòng tránh. Thực hiện khẩu hiệu *Hầm liền nhà, liền đường, liền ruộng*, dân quân, tự vệ, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực đào hầm trú ẩn ở những nơi công cộng, ngoài đồng, dọc đường giao thông. Các đồng chí Bí thư cấp ủy, lãnh đạo các nhà máy, xí nghiệp, cơ quan, trường học... chịu trách nhiệm tổ chức bảo vệ đơn vị mình. Trường học sơ tán vào hang núi, ven đồi. Những năm 1965 - 1968, toàn huyện đã đào đắp được hơn 622.400 hầm hố các loại, trong đó có hơn 365.000 hầm kè, gần 30.000m giao thông hào.

Ban Chỉ huy Phòng không của huyện chỉ đạo các địa phương, đơn vị làm tốt công tác giải quyết hậu quả theo phương châm: *Chuẩn bị chu đáo, chủ động, tích cực khắc phục tại chỗ là chính, giải quyết nhanh, hạn chế thấp nhất thiệt hại do địch gây ra*. Toàn huyện đã thành lập 182 tổ cứu thương (với 910 người),

230 tổ tải thương (1.180 người), 250 tổ cứu hỏa (3.216 người), 360 tổ cứu hầm sập (3.250 người), 212 tổ tiếp tế (1.696 người). Các lực lượng này được tập huấn, tổ chức thao diễn, đã có những đóng góp hết sức quan trọng, hiệu quả trong những năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Hiệp đồng chiến đấu và phục vụ chiến đấu là một trong những nhiệm vụ quan trọng được lực lượng dân quân, tự vệ

và toàn dân hưởng ứng. Các xã chủ động về tổ chức, phương án phối hợp với bộ đội chủ lực. Huyện tổ chức 22 phân đội hiệp đồng thường trực ở 13 xã có trận địa, với 571 cán bộ, chiến sĩ dân quân sẵn sàng thay thế các vị trí pháo thủ. Các xã Cao Nhân, Mỹ Đông, Thiên Hương, Lâm Động, Hoa Động, Tân Dương, Dương Quan, Thủy Triều, An Lư, Tam Hưng, Lập Lễ, Phục Lễ... là những địa phương tổ chức tốt lực lượng phục vụ chiến đấu. Dân quân, tự vệ và nhân dân sẵn sàng phục vụ bộ đội cơ động bố trí trận địa trong mọi hoàn cảnh và bất cứ điều kiện nào.

Quân dân Thủy Nguyên, cùng cả miền Bắc, sôi nổi thi đua *Tất cả cho sản xuất; Tất cả cho tiền tuyến; Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược; Mỗi người làm việc bằng hai vì đồng bào miền Nam ruột thịt*... Phong trào thi đua diễn ra trong các ngành, các giới, các hợp tác xã, xí nghiệp, trường học, cơ quan, bệnh viện. Phong trào thanh niên Ba sẵn sàng, phụ nữ Ba đảm đang phát triển sâu rộng trong đoàn viên thanh niên, hội phụ nữ. Các ngành giới nông dân nêu cao khẩu hiệu

Chắc tay cày, vững tay súng; ngư dân *Vững tay lưới, chắc tay súng*; công nhân có phong trào *Chắc tay búa, chắc tay súng*... Hàng vạn thanh niên nam, nữ đăng ký *Ba sẵn sàng* (nhiều xã, xí nghiệp có 100% thanh niên đăng ký), *Ba đảm đang* (năm 1965, toàn huyện có 23.906 chị em đăng ký). Cán bộ, đảng viên, đoàn viên, thanh niên tình nguyện lên đường tòng quân và tham gia thanh niên xung phong. Năm 1965, toàn huyện có 2.079 thanh niên nhập ngũ. Chỉ sau một tháng phát động, trên 23.000 hội viên phụ nữ đăng ký thi đua sản xuất, công tác, trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Để phát huy truyền thống quê hương, ngày 25-10-1965, huyện Thủy Nguyên lần đầu tiên tổ chức kỷ niệm Ngày truyền thống "Thủy Nguyên quật khởi". Từ đó, ngày 25-10 trở thành ngày hội của quân và dân trong huyện.

Các xã, các ngành khẩn trương triển khai xây dựng cụm làng chiến đấu ở các xã trọng điểm: Hoa Động, Lâm Động, Hoàng Động, Phục Lễ, Tam Hưng, Minh Đức, Lưu Kiếm, Liên Khê, Quảng Thanh, Kiên Bái, Đông Sơn. Các cụm làng chiến đấu được xây dựng theo thể liên hoàn, có phương án tác chiến phù hợp với nhiều tình huống khác nhau. Lực lượng dân quân tự vệ được sắp xếp lại, biên chế thành các trung đội, tiểu đội giao thông, quân báo, cứu thương, cứu sập hầm, bắn máy bay và đánh địch đổ bộ đường thủy... Đầu năm 1965, tổng số dân quân tự vệ của huyện lên tới 11.000 người, được biên chế thành 2 tiểu đoàn, 77 đại đội, 291 trung đội, 879 tiểu đội, trong đó tự vệ ở các cơ quan, xí nghiệp là 1.200 người.

Triển khai công tác phòng không nhân dân, các xã, xí nghiệp, cơ quan, trường học đã kết hợp vừa đào hầm hào vừa thực hiện sơ tán, phân tán. Thực hiện khẩu hiệu *Hầm liền nhà, liền đường, liền ruộng*, các cấp ủy đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ động viên đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực đào

hầm hố trú ẩn ở những nơi công cộng, ngoài đồng, dọc đường giao thông. Những năm 1965 đến 1968, toàn huyện đã đào đắp được hơn 622.400 hầm hố các loại, trong đó có hơn 365.000 hầm kè và gần 30.000 mét giao thông hào. Nhân dân đi làm, trẻ em đi học đều có mũ rơm, túi thuốc phòng không. Trường học sơ tán vào hang núi, ven đồi. Học sinh học sớm, nhân dân chuyển sản xuất vào ban đêm hoặc tránh các giờ cao điểm. Ban Chỉ huy phòng không của huyện chỉ đạo các địa phương, đơn vị làm tốt công tác giải quyết hậu quả theo phương châm: *Chuẩn bị chu đáo, chủ động, tích cực khắc phục tại chỗ là chính, giải quyết nhanh, hạn chế thấp nhất thiệt hại do địch gây ra*. Toàn huyện đã thành lập được 182 tổ cứu thương (với 910 người), 230 tổ tải thương (1.180 người), 250 tổ cứu hỏa (3.216 người), 360 tổ cứu hầm sập (3.250 người), 212 tổ tiếp tế (1.696 người). Mỗi hợp tác xã, cơ quan, xí nghiệp, các gia đình đều có tủ thuốc cấp cứu. Các lực lượng này được tập huấn, tổ chức thao diễn, đã có những đóng góp hết sức quan trọng, hiệu quả trong những năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Thủy Nguyên còn là địa bàn sơ tán của nhiều cơ quan, xí nghiệp và gần 60.000 đồng bào nội thành. Các cấp ủy, chính quyền, nhân dân các xã đã chủ động bố trí, sắp xếp nơi ăn ở, làm thêm hầm hố, tạo điều kiện cho các đơn vị tiếp tục sản xuất và công tác. Các gia đình sẵn sàng nhường nhà, vườn cho nhân dân, cơ quan về sơ tán có nơi ở, làm việc, chia sẻ lương thực, thực phẩm, đùm bọc cùng nhau vượt qua những năm tháng chiến đấu gian khổ, hy sinh.

12 giờ 12 phút ngày 23-8-1965, 5 máy bay Mỹ, chia làm 2 tốp: 2 chiếc bay vòng quanh khu vực Ưông Bí, 3 chiếc bay vòng ra ném bom bến phà Rừng. Một chiếc xà-lan chở 250 tấn than bị đắm, làm 3 người chết, 2 người bị thương. Bộ đội phòng không và dân quân xã Tam Hưng bắn trả quyết liệt, 1 máy bay địch trúng đạn lao ra biển. Tiếp đó, máy bay Mỹ



Hội Mẹ chiến sĩ xã Thủy Triều động viên bộ đội

bắn rốc-kết xuống khu vực sản xuất voi ở xã An Sơn, làm chết 13 người, bị thương 5 người. Ngày 1-12-1965, máy bay Mỹ bắn và ném bom vào tàu hải quân đang neo ở bến Lâm Động. Khi máy bay địch đến, lệnh báo động và chiến đấu truyền đi kịp thời. Dân quân các xã Lâm Động, Hoa Động, Tân Dương và các cụm pháo cao xạ nổ súng bắn trả quyết liệt. Đặc biệt, nhân dân xã Lâm Động tổ chức chiến đấu và phục vụ chiến đấu tốt. Ngày 29-6-1966, đơn vị pháo tại trận địa trên địa bàn huyện bắn rơi 1 máy bay A4. Tên giặc lái nhảy dù xuống cửa biển Nam Triệu. Dân quân 2 xã Hoàng Động,

Trung Hà làm đày ở cửa sông cùng với dân quân huyện Cát Hải và các chiến sĩ công an vũ trang, lao tới bắt giặc lái Mỹ. Máy bay Mỹ gầm rú quần đảo trên trời, bắn uy hiếp để cứu tên giặc lái. Thuyền bị trúng đạn, gãy cột buồm nhưng mọi người vẫn bình tĩnh vừa chiến đấu vừa tổ chức bắt giặc lái. Một số ngư dân xã Hoàng Động đã hy sinh.

Giặc Mỹ “leo thang” tội ác mới, đánh phá trực tiếp vào thủ đô Hà Nội và nội thành Hải Phòng. Ở miền Nam, chúng tiếp tục tăng quân và bắt đầu mở đợt phản công chiến lược mùa khô. Trước những diễn biến hết sức nghiêm trọng đó, ngày 17-7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá. Song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”. Lời kêu gọi thiêng liêng của Bác là niềm cổ vũ, động viên lớn đối với Đảng bộ và nhân dân Thủy Nguyên. Thực hiện chỉ thị của Thành ủy, Huyện ủy Thủy Nguyên tiến hành đợt vận động chính trị sâu rộng hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Lệnh tổng động viên bộ phận của Chủ tịch nước, hàng trăm thanh niên

Thủy Nguyên làm đơn tình nguyện nhập ngũ, sẵn sàng lên đường chiến đấu.

Từ cuối năm 1966, địch tăng cường bắn phá miền Bắc, nhất là thành phố Hà Nội, Hải Phòng. Trên địa bàn Thủy Nguyên, máy bay địch bắn phá 29 trận ở 24 xã. Điển hình là các trận đánh kho dầu Thanh Lãng, kho đạn Thung Doãn (Lại Xuân), bến Kiên, cầu Đá Bạc, cầu Giá... Bộ Tư lệnh 350 triển khai kế hoạch chống địch phong tỏa vùng biển và các luồng sông trên địa bàn Hải Phòng. Hơn một trăm cán bộ, chiến sĩ và dân quân, tự vệ được dự lớp huấn luyện rà phá và tháo gỡ thủy lôi. Năm 1967, địch tăng cường ngày đêm đánh phá đường giao thông thủy bộ nhằm ngăn chặn việc giải tỏa hàng từ cảng Hải Phòng. Chúng ném bom nổ chậm xuống các điểm nút giao thông, phá cầu, thả bom bi gây sát thương, giết hại dân thường. Các cầu ra vào thành phố và các cầu ở ngoại thành, trong đó có cầu Giá, Đá Bạc, lần lượt bị đánh sập. Bến Kiên, bến Rừng bị ngăn chặn bằng bom nổ chậm, bom từ trường. Ngày 17-7-1967, trung đội trực chiến của huyện bố trí tại xã Liên Khê đã bắn rơi một máy bay A4D. Ngày 20-7-1967, máy bay Mỹ ném 9 quả bom, bắn nhiều đạn rốc-kết và đạn 20 ly xuống các xã Hoa Động, Lâm Động, Tân Dương, Dương Quan... làm chết 17 người, bị thương 48 người. Em Trịnh Văn Hòa, 14 tuổi, ở nội thành sơ tán về xóm Đền (Lâm Động) đã có hành động dũng cảm. Máy bay Mỹ ném bom trúng nhà hàng xóm, lửa cháy, khói bom mù mịt, em đã dũng cảm lao vào cứu em bé và đã hy sinh anh dũng. Ngành giáo dục huyện phát động phong

trào noi gương Trịnh Văn Hòa trong học sinh toàn huyện. Ngày 2-8-1967, máy bay Mỹ ném 29 quả bom xuống làng Mỹ Giang, xã Kênh Giang, làm chết 25 người, bị thương gần 100 người. Thầy giáo Đoàn Xuân Thảo, giáo viên trường cấp II Kênh Giang, trên đường tới trường, bị bom Mỹ giết hại. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, thầy cố gắng trao chìa khóa cho thầy hiệu trưởng để mở tủ lấy đề thi cho học sinh. Trưa ngày 14-8-1967, chúng lại ném bom vào khu vực Lò cao cầu Giá.

Thực hiện chỉ thị của Thành ủy xác định giao thông vận tải là nhiệm vụ trung tâm đột xuất số 1, Huyện ủy Thủy Nguyên ra nghị quyết: *Dù bất kỳ tình huống nào cũng phải đảm bảo giao thông vận tải thông suốt, góp phần giữ vững hoạt động của cảng, đảm bảo cho bộ đội cơ động chiến đấu và phục vụ mọi kế hoạch, yêu cầu của địa phương. Các xã tiến hành thành lập lực lượng công binh nhân dân, chủ yếu tập trung vào các khu vực ven sông Cấm, đường 10, đường 200, các bến phà, cầu. Lực lượng công binh chia làm hai bộ phận, bộ phận phá bom và bộ phận công trình chuyên tu sửa đường. Huyện tổ chức 20*



Liệt sĩ Trịnh Văn Hòa cứu em bé trong bom Mỹ, năm 1967 (Tranh minh họa)



Liệt sĩ Nguyễn Huy Hồng

tổ gồm 150 dân quân, tự vệ liên tục thường trực theo dõi và quan sát bom nổ chậm, từ trường, thủy lôi địch, khoanh vùng khu vực bom chưa nổ, báo động kịp thời cho nhân dân... Huyện Thủy Nguyên còn được thành phố giao nhiệm vụ tổ chức đưa dân lên vùng căn cứ của thành phố, của huyện trong kháng chiến chống Pháp để chuẩn bị sẵn sàng địa điểm sơ tán các cơ quan lãnh đạo khi có tình huống xảy ra. Do vậy, cuối năm 1966, đầu năm 1967, gần 40 hộ ở làng Đồng Lý (Phương Mỹ có 1 hộ), xã Mỹ Đông và làng Câu Tử, xã Hợp Thành được huyện tổ chức đi xây dựng vùng kinh tế mới ở xã Trường Sơn, Bình Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang).

Trong những năm chiến tranh phá hoại ác liệt, nhiều đoàn vận tải của Minh Tiến (Minh Tân), Tân Tiến (An Lữ) và Hợp Thành đã vượt qua đạn bom, thủy lôi của đế quốc Mỹ, vận chuyển lương thực, vũ khí phục vụ quân

đội và nhân dân tuyến lửa Quảng Bình. Thực hiện khẩu hiệu “*Địch đánh ta cứ đi*”, ngày đêm bám biển, bám thuyền, chiến đấu kiên cường, nhiều người đã hy sinh anh dũng. Năm 1967, Minh Tiến vận chuyển 55.000 tấn hàng. Năm 1968, hợp tác xã trang bị 70 thuyền, xà-lan, ca-nô phục vụ sản xuất và chiến đấu. Hợp tác xã nhiều năm được tặng cờ luân lưu của Bộ Giao thông vận tải và của thành phố Hải Phòng, xứng đáng là đơn vị lá cờ đầu trên mặt trận giao thông vận tải của miền Bắc.

Công an huyện triển khai lực lượng cùng chính quyền và công an các xã rà soát các loại đối tượng chính trị, hình sự, bố trí quần chúng tốt giám sát những đối tượng trong “Kế hoạch P69”, chuẩn bị địa bàn sơ tán, tổ chức bảo vệ một số xí nghiệp của thành phố sơ tán về Doãn Lại, Pháp Cỗ (Lại Xuân), An Sơn... Cùng đó, được sự hướng dẫn thực hiện chuyên đề của Sở Công an, công tác của công an huyện tập trung cải tạo, quản chế, đối sách với các tổ chức phản động, chống địch ẩn nấp, quản lý hành chính, công tác nắm tình hình điều tra cơ bản, công tác nghiệp vụ cơ bản, công tác xây dựng lực lượng...

Công tác bảo vệ quốc phòng, bảo vệ lực lượng vũ trang, bảo vệ tuyến quân được triển khai khẩn trương, chu đáo. Công an huyện cùng chính quyền và công an các xã bảo vệ an toàn cho 31 trận địa pháo, tên lửa, gần 20 đơn vị thuộc các quân binh chủng, đơn vị huấn luyện tân binh đóng trên địa bàn. Những năm 1965 - 1968, Công an huyện đã xét duyệt hàng vạn hồ sơ lý lịch và góp phần tuyển gần 7.000 thanh niên nhập ngũ.

Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, cùng với nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, nhân dân Thủy Nguyên quyết tâm giữ vững sản xuất. Thủy Nguyên là huyện đứng đầu thành phố về nông dân xin ra hợp tác xã. Các cấp ủy đảng, chính quyền đẩy mạnh cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, vòng 2 (1965-1968). Thành phố tập trung

đầu tư cơ sở vật chất cho nông nghiệp: Máy bơm nước, lập các điểm cơ khí nông nghiệp, đầu máy kéo... tại các huyện. Nông nghiệp vẫn gặp khó khăn. Năng suất lúa đạt thấp, 17,64 tạ/ha. Năm 1965, toàn thành phố chỉ có 11 xã, 27 hợp tác xã đạt được 5 tấn/ha. Tiêu biểu là xã Phục Lễ, đơn vị được xây dựng thí điểm của miền Bắc, đạt năng suất 58,78 tạ/ha. Chăn nuôi đạt bình quân 2,5 con lợn một hộ. Đàn lợn tập thể có 325 con. Phục Lễ được nhiều địa phương miền Bắc, các bộ, ngành Trung ương đến tham quan, được suy tôn là lá cờ đầu của ngành nông nghiệp Hải Phòng.

Ngày 11-1-1967, Ban Thường vụ Thành ủy ra Nghị quyết số 46-NQ/TU về *Phân vùng kinh tế nông nghiệp ở ngoại thành*. Toàn thành phố được phân thành 3 vùng và 11 tiểu vùng. Huyện Thủy Nguyên nằm trong vùng sản xuất thực phẩm và lương thực (Thủy Nguyên và An Hải) lấy sản xuất rau, cá, thịt (thực phẩm), lúa, khoai lang (lương thực) là chính; lạc đỗ, các loại cây ăn quả, cây công nghiệp đồi núi là bổ sung. Năm tiểu vùng trồng rau, khoai lang, lúa có 8 xã quanh Núi Đèo (Thủy Nguyên). Lúa, khoai lang, cây ăn quả có 13 xã của An Hải và 14 xã của Thủy Nguyên. Lúa, khoai lang, cây đồi núi có 11 xã của huyện Thủy Nguyên. Triển khai nghị quyết trên, huyện xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng vùng và xác định phương hướng sản xuất nông nghiệp lấy sản xuất thực phẩm và lương thực là chính. Thực tế, phương hướng sản xuất theo vùng kinh tế không thực hiện được. Những năm chiến tranh, mặc dù sản xuất gặp nhiều khó khăn về vật tư, phân bón, lao động, thiên tai, sâu bệnh và địch đánh phá ác liệt nhưng sản xuất của huyện vẫn được giữ vững. Diện tích trồng lúa luôn đảm bảo 98%, năng suất tăng: Năm 1965, toàn huyện có 9 hợp tác xã đạt 5 tấn/ha (cả năm), năm 1966 có 11 hợp tác xã đạt trên 5 tấn/ha. Năm 1967, năng suất lúa của huyện bình quân đạt 49,5 tạ/ha, trong đó có 17 xã, 46 hợp tác xã đạt trên

5 tấn, 36 hợp tác xã đạt trên 6 tấn. Chăn nuôi gia súc, gia cầm vượt kế hoạch 3-6%. Tháng 8-1966, huyện Thủy Nguyên tăng cường đầu tư mở rộng, phát triển vành đai rau xanh, cung cấp hàng trăm tấn rau, củ, quả cho thành phố và xuất khẩu.

Nghề đánh cá, làm muối và vận tải nêu cao quyết tâm “*Bám biển bám thuyền*”, vừa sản xuất vừa chiến đấu. Các hợp tác xã ngư nghiệp mỗi năm đánh bắt được từ 1.000 đến 1.500 tấn tôm, cá các loại, sản xuất được từ 400 đến 500 tấn muối. Các hợp tác xã Bắc Hải (Hoàng Động), Thống Nhất (Trung Hà), Minh Tâm (Lập Lễ) không những vượt chỉ tiêu kế hoạch bán sản phẩm cho Nhà nước mà còn làm tốt nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Tháng 10-1967, các xã viên hợp tác xã Minh Tâm (Lập Lễ) trong khi đang đánh cá ngoài biển, bị thủy lôi phá vỡ thuyền nhưng vẫn bình tĩnh dũng cảm cứu thuyền bạn bị đắm.

Trong hoàn cảnh chiến tranh, lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục đã kịp thời chuyển hướng hoạt động phù hợp với thời chiến, cơ bản vẫn giữ ổn định. Năm 1966, huyện tiến hành xây dựng và đưa vào sử dụng Trạm Truyền thanh. Mạng lưới loa truyền thanh được bố trí tới các thôn xóm, kịp thời thông tin tình hình thời sự, đường lối của Đảng, chính sách của Chính phủ và chiến thắng của quân dân hai miền Nam - Bắc. Hoạt động văn hóa văn nghệ có những cố gắng rất lớn trong việc phục vụ nhiệm vụ chính trị và đời sống nhân dân. Phong trào “*Tiếng hát át tiếng bom*” được hưởng ứng rộng rãi. Hầu hết các thôn xã đều lập các đội văn nghệ. Phong trào văn hóa quần chúng phát triển sôi nổi. Những đơn vị tiêu biểu là các xã Mỹ Đông, Hợp Thành, Thủy Đường, Tân Dương... Hệ thống trường phổ thông, mẫu giáo vẫn duy trì tốt phong trào thi đua “*Hai tốt*”. Trường lớp vẫn được xây dựng thêm. Số học sinh đi học tăng nhiều so với những năm trước. Hưởng ứng

cuộc vận động trong ngành bổ túc văn hóa theo gương Cẩm Bình, thành phố chỉ đạo làm điểm ở 3 xã, trong đó có xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, sau đó nhân rộng ra các xã. Số học viên bổ túc văn hóa của huyện được duy trì, có từ 5.000 đến 6.000 học viên. Công tác y tế gắn liền với nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Phong trào thể dục thể thao được gắn liền với nhiệm vụ quốc phòng. Trong đợt hội thao bắn súng thể thao quốc phòng năm 1967 có 2.000 người tham gia, 16 xã đạt khá, giỏi. Phòng Thể thao tổ chức hội thi bơi truyền thống “*Vượt sông Bạch Đằng*” thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Cũng từ phong trào này, đội bơi lội xã Minh Tân trở thành điển hình tiên tiến nhiều năm của thành phố Hải Phòng và miền Bắc.

Với tinh thần *Tất cả vì tiền tuyến, Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*, công tác tuyển quân chi viện cho tiền tuyến trở thành cuộc vận động chính trị rộng khắp trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong huyện. Các cấp ủy đảng, chính quyền đều phấn đấu thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, nắm rõ hoàn cảnh của từng

đối tượng chính sách, kịp thời động viên tư tưởng và giúp đỡ vật chất cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Những việc làm chu đáo đó đã làm yên lòng người ra đi, người ở lại cũng phấn khởi tự hào, tích cực sản xuất, nuôi dạy con cái, làm thêm phần việc của người đi chiến đấu. Trong chi viện cho tiền tuyến, khẩu hiệu: *“Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”*



Sẵn sàng bắn máy bay Mỹ (trận địa tại xã Liên Khê năm 1968)

được chuyển thành quyết tâm *“Thóc thừa cân, quân thừa người”*. Lớp lớp cán bộ, đảng viên, thanh niên Thủy Nguyên lên đường *“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”*. Những năm 1964 - 1968, huyện Thủy Nguyên đã động viên 7.000 thanh niên nhập ngũ, riêng năm 1968 có 1.699 thanh niên nhập ngũ. Không ít gia đình có 5 - 6 anh em đều tham gia quân đội. Huyện tích cực xây dựng các phân đội *“2 cử 3 nguyện”* để nắm chắc việc quản lý quân số và có kế hoạch chủ động, kịp thời tổ chức các phân đội thay thế. Lực lượng dự bị được chuẩn bị vững vàng về tinh thần nên khi bổ sung cho quân đội, anh em đều phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Từ cuối năm 1967, các tiểu đoàn của huyện Thủy Nguyên, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, An Hải, An Lão và ba khu phố lần lượt vào chiến trường. Những cán bộ, chiến sĩ con em Thủy Nguyên đã chiến đấu dũng cảm, lập nhiều chiến công xuất sắc và nhiều người đã anh dũng hy sinh.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968 và những thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc, ngày 31-3-1968, đế

quốc Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom không điều kiện từ vĩ tuyến 20 trở ra, toàn miền Bắc từ ngày 1-11-1968 và chấp nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pari. Đây là thắng lợi có ý nghĩa quan trọng của quân và dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Tranh thủ thời gian tạm thời có hòa bình, nhân dân Thủy Nguyên cùng miền Bắc khẩn trương phục hồi kinh tế, củng cố lực lượng, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, tích cực đóng góp sức người sức của cho miền Nam. Cuộc chiến tranh phá hoại đã để lại hậu quả nặng nề: Toàn huyện có gần 300 người bị bom Mỹ sát hại, hàng ngàn người bị tàn phế, nhiều cơ sở kinh tế, trường học, nhà ở bị phá hủy. Thêm vào đó, cơn bão lớn số 7, tháng 8 năm 1968 và thời tiết diễn biến phức tạp, sâu bệnh phá hoại, sản lượng lúa giảm tới 20%. Tình hình hợp tác xã nông nghiệp yếu kém diễn ra khá nghiêm trọng. Đời sống của đại bộ phận nhân dân gặp khó khăn. Trước tình hình đó, huyện tiến hành các đợt sinh hoạt chính trị rộng rãi, động viên toàn quân và dân quyết tâm khắc phục hậu quả của thiên tai, địch họa, tranh thủ khôi phục kinh tế, tích cực chi viện sức người, sức của cho miền Nam.

Thời kỳ này, công an huyện tập trung thực hiện những nội dung trọng tâm là chống chiến tranh tâm lý, vận động nhân dân không nghe đài địch, không phao tin đồn nhảm, *“Tiến công chính trị”* vào những đối tượng còn đang phải cải tạo tại chỗ, thúc đẩy người đang cải tạo cần phải cải tạo tốt hơn, những người còn giấu tội phải thành khẩn khai báo đồng thời theo định kỳ đưa ra quần chúng nhận xét.

Lợi dụng hàng hóa khan hiếm, nạn đầu cơ, buôn bán diễn ra nhiều nơi. Công an huyện phối hợp với các ngành, các xã bắt giữ và xử lý hành chính một số vụ móc ngoặc tuồn hàng hóa nhà nước ra ngoài, buôn bán tem phiếu

lương thực, thực phẩm, vải, quần áo ở các xã Hợp Thành, Quảng Thanh, Lại Xuân, Thủy Sơn. Tại mỏ đá Tràng Kênh xảy ra vụ trộm 40.000 đồng, là toàn bộ tiền lương của gần 100 cán bộ, công nhân viên của xí nghiệp. Trong thời gian ngắn, công an huyện đã khám phá và đưa đối tượng ra xét xử.

Giữa lúc sự nghiệp cách mạng cả nước đang trên đà thắng lợi, ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ kính yêu của Đảng, của dân tộc Việt Nam, qua đời. Cùng với nhân dân cả nước, các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân Thủy Nguyên tổ chức lễ truy điệu và để tang Bác với nghi lễ trọng thể nhất. Các xã, cơ quan, xí nghiệp, trường học trên địa bàn đã phát động phong trào *“Biến đau thương thành hành động cách mạng”*, học tập tấm gương đạo đức của Bác và phấn đấu thực hiện Di chúc của Người.

Từ năm 1970, Thủy Nguyên tập trung *“Đẩy mạnh sản xuất thực phẩm, coi trọng sản xuất lương thực, công nghiệp, thủ công nghiệp, củng cố hậu phương, đề cao cảnh giác và sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến. Mục tiêu phấn đấu chung cả huyện là 2 vạn tấn rau, 47.000 con lợn, 2.100 tấn cá, 5 tấn thóc và 9 tấn khoai lang trên một ha”*. Thời kỳ này, toàn huyện có 101 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có 39 hợp tác xã khá, 39 hợp tác xã trung bình, 23 hợp tác xã yếu kém. Hầu hết các hợp tác xã đều bộc lộ trình độ quản lý yếu kém, năng suất lúa thấp, đời sống của xã viên không được đảm bảo. Số hộ xã viên xin ra làm ăn riêng lẻ ngày càng nhiều, tập trung ở các xã An Lữ, Dương Quan, Cao Nhân... Có năm có hơn 1.000 hộ xã viên xin ra hợp tác xã. Thành phố và huyện phải lập nhiều đoàn *“chống lỏi”* xuống các xã để củng cố phong trào, tìm mọi biện pháp đưa xã viên trở lại hợp tác xã. Thành phố, huyện bố trí cán bộ các ban ngành, quân đội xuống củng cố cơ sở yếu kém ở nông thôn. Xã Dương Quan được chọn làm điểm để rút kinh nghiệm.

Công tác cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật trong hợp tác xã nông nghiệp được tăng cường. Cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp được xây dựng và trang bị ngày càng nhiều. Năm 1971, tổng số máy bơm trong huyện có 152 cái, 44 máy cày, 30 lò rèn sửa chữa nông cụ. Phân bón, thuốc trừ sâu được giải quyết kịp thời. Phong trào làm bèo hoa dâu vẫn giữ vững. Giống mới được đưa vào đồng ruộng. Huyện tập trung quy hoạch vùng chuyên canh rau, làm thủy lợi, cải tiến công cụ, giải quyết tốt khâu chọn giống đi đôi với phương châm thâm canh tăng vụ, gối vụ... Do đó, năng suất rau màu tăng nhanh, tổng sản lượng bình quân đạt 2.200 tấn/năm. Đối với chăn nuôi, chủ yếu là nuôi lợn, các hợp tác xã nông nghiệp coi trọng chăn nuôi tập thể và gia đình. Tổng đàn lợn năm 1969 đạt 40.000 con, năm 1970 đạt 47.000, gia cầm bình quân mỗi năm là 200.000 con. Phong trào nuôi cá nước ngọt, nước lợ được giữ vững và phát triển. Nhiều xã đạt sản lượng cao, điển hình là xã Phục Lễ. Mỗi năm toàn huyện đánh bắt được 1.300 tấn cá tôm. Hợp tác xã Thống Nhất (Trung Hà), Hải Thành (Phả Lễ) đạt năng suất đánh bắt cao nhất trong huyện.

Ngành tiểu thủ công nghiệp, một trong những thế mạnh của huyện, được chỉ đạo sản xuất theo phương hướng phục vụ sản xuất, chiến đấu và tiêu dùng. Các hợp tác xã Phương Thành (Mỹ Đồng), Quyết Thắng (Thiên Hương)... khắc phục khó khăn về nguyên vật liệu, giữ vững mặt hàng chủ yếu là chảo gang. Đơn vị cơ khí huyện chuyên sản xuất, sửa chữa nông cụ cày bừa, xe cải tiến phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngành vật liệu xây dựng, có 40 lò gạch, sản lượng đạt 12 triệu viên/năm; 45 lò vôi, sản lượng đạt 40.000



Được tin con gái hy sinh, mẹ Trần Thị Mỹ (xã Hoa Động) đã thay con phục vụ Đại đội 515 chiến đấu

tấn/năm... đảm bảo phục vụ nhu cầu của địa phương, thành phố và còn bán sang tỉnh bạn.

Cùng với nhiệm vụ khôi phục kinh tế, các lực lượng vũ trang được tăng cường, luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu cao. Tháng 2-1970, huyện và các xã tiến hành tổng kết 4 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1964 - 1968). Tổng kết đã rút ra những bài học kinh nghiệm có ý nghĩa rất quan trọng. Hưởng ứng cuộc vận động "Toàn Quân khu hướng ra tiền tuyến, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu giỏi và xây dựng hậu phương vững mạnh" do Quân khu Ba và Thành ủy phát động, Thủy Nguyên phấn đấu "Bất kể trong tình huống nào, khó khăn đến đâu, Đảng bộ, quân và dân Thủy Nguyên cũng không được để thiếu quân, bảo đảm hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu cả về số lượng, chất lượng, đúng thời gian, đúng chính sách qui định". Các xã phối hợp với huyện đội

tiến hành điều tra cơ bản nắm chắc lực lượng thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự và công tác tuyển quân. Những năm 1969-1972, toàn huyện có 2.300 thanh niên nhập ngũ. Lực lượng dân quân, tự vệ được bổ sung, tích cực tập luyện các phương án chiến đấu, phục vụ chiến đấu và giải quyết hậu quả.

Đầu năm 1970, Công an huyện tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện tổng kết phong trào bảo vệ trị an, xây dựng xã vững mạnh và đơn vị an toàn; xây dựng công an xã, bảo vệ cơ quan, xí nghiệp "4 tốt"; kết hợp chặt chẽ việc tiếp tục thực hiện các nội dung của phong trào với việc thực hiện Nghị quyết 195 và chỉ thị của Trung ương về nâng cao chất lượng đảng viên. Đây là cuộc vận động sâu rộng trong Đảng và nhân dân, đã giúp công an phát hiện 418 nguồn tin về cán bộ, đảng viên vi phạm tiêu chuẩn chính trị; 336 nguồn tin về cán bộ, đảng viên vi phạm phẩm chất, đạo đức (Ban Thường vụ Huyện ủy đã quyết định kỷ luật khai trừ 123 đảng viên).

Công tác đấu tranh chống tội phạm hình sự trong thời gian này ngày càng phức tạp và trở thành công tác trọng tâm. Công an huyện tiến hành rà soát đối tượng hình sự, chủ động lập hồ sơ đưa đi tập trung cải tạo; hướng dẫn công an xã phối hợp với Đoàn Thanh niên cơ sở, nhà trường tuyên truyền giáo dục trong thanh thiếu niên học sinh về nếp sống, ý thức chấp hành qui định, bài trừ cái xấu.

Tháng 12-1970, Giám đốc Sở Công an ban hành kế hoạch, trong đó nêu rõ "Phải sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo trật tự an ninh khi địch ném bom bắn phá, tung gián điệp biệt kích, tập kích đổ bộ địa bàn biên phòng". Công an và cơ quan quân sự huyện phối hợp kiểm tra việc thực hiện phương án chiến đấu ở những xã trọng điểm, xây dựng "Cụm, làng chiến đấu", trong đó, tập trung chỉ đạo giúp cơ sở hoàn chỉnh phương án chiến đấu, chủ động đối phó với tình hình đột xuất có thể xảy

ra ở các xã Dương Quan, Minh Đức, xí nghiệp xăng dầu K131. Cuối năm 1971, thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, Công an huyện tham gia đoàn kiểm tra công tác phòng không nhân dân, hầm hố trú ẩn, công tác cứu thương, cứu hỏa, cứu sập...

Trước nguy cơ thất bại của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", đế quốc Mỹ vội vã "Mỹ hóa" trở lại cuộc chiến tranh ở miền Nam và ngày 6-4-1972, Tổng thống Mỹ quyết định mở lại cuộc ném bom bắn phá miền Bắc. Cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa lần này vô cùng ác liệt, mang tính hủy diệt. Huyện ủy, Ủy ban hành chính và các ban ngành của huyện Thủy Nguyên khẩn trương tập trung vào công tác phòng không nhân dân, bố trí các lực lượng trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giải quyết hậu quả. Hầm hố được bổ sung, sửa chữa chắc chắn. Các cơ quan, xí nghiệp, trường học đều sơ tán để đảm bảo an toàn. Nhân dân trong huyện lại tổ chức đón tiếp 6 vạn đồng bào nội thành và 28 cơ quan, xí nghiệp của thành phố, Trung ương sơ tán về. Tài sản, kho tàng của Nhà nước được chuyển đến nơi an toàn. Các đội cứu thương, cứu hỏa, cứu sập... được tăng cường, chuẩn bị chu đáo, sẵn sàng giải quyết hậu quả, hạn chế tối đa thiệt hại do bom đạn Mỹ gây ra.

Đúng 1 giờ 30 phút ngày 16-4-1972, đế quốc Mỹ sử dụng hàng trăm lượt máy bay, có cả máy bay chiến lược B52, kết hợp với tàu chiến, ném bom bắn phá hủy diệt thành phố Hải Phòng. Trên địa bàn Thủy Nguyên, máy bay Mỹ bắn phá trạm xăng dầu ở Đông Sơn, Kiên Bái, Hoa Động, Hoàng Động... làm chết 15 người, bị thương 22 người và gây thiệt hại nhiều tài sản của nhân dân. Ngay sau trận đánh thứ nhất, vào 2 giờ 30 phút, Ban Chỉ huy phòng không nhân dân của huyện cùng các ngành công an, quân sự, y tế, bàn triển khai chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Tiếp đó, 4 giờ 30 phút ngày 18-4-1972, Thường trực Huyện

ủy hạp với Chủ tịch Ủy ban hành chính và xã đội trưởng các xã trọng điểm có trận địa pháo phòng không, tên lửa, đường giao thông quan trọng. Các địa phương này phải khẩn trương củng cố thêm hầm hào nơi công cộng, bố trí lực lượng thường trực giải quyết hậu quả. Các gia đình ở gần trận địa phải triệt để sơ tán. Lực lượng vũ trang của huyện luôn ở tư thế báo động cấp một.



Nữ dân quân xã Hoa Động băng bó vết thương cho bộ đội Đại đội 512, tại trận địa Trần Đá, năm 1972

Ngày 9-5-1972, đế quốc Mỹ tiến hành thả thủy lôi phong tỏa vùng biển, các cửa sông miền Bắc. Cảng Hải Phòng bị thủy lôi phong tỏa chặt, tàu thuyền không ra vào được. Cùng đó, máy bay vẫn tăng cường bắn phá. Các trọng điểm như khu vực bến Rừng, bến Bính, các kho đạn, xăng dầu...trên địa bàn Thủy Nguyên bị đánh phá liên tục. Lực lượng vũ trang địa phương đã hiệp đồng với các đơn vị bộ đội chiến đấu có hiệu quả. Bốn giờ sáng ngày 26-6-1972, trung đội cơ động chiến đấu của xã Phục Lễ đã bắn rơi một chiếc A37. Ngày 6-8-1972, dân quân xã Minh Đức (nay là thị trấn Minh Đức) phối hợp với tự vệ mỏ đá Tràng Kênh bắn rơi 1 máy bay AD7, bắt

sống giặc lái. Các đội công binh nhân dân, với chức năng đảm bảo giao thông, đã nhanh chóng tháo gỡ bom mìn, sửa chữa cầu phà, san lấp hố bom, kịp thời thông xe, thông cầu. Từ cuối tháng 8, máy bay Mỹ tăng cường bắn phá thành phố. Vào 17 giờ 15 phút ngày 26-8, chúng bắn tên lửa xuống xã Thủy Sơn, giết chết một người, làm bị thương 9 người. Hồi 13 giờ ngày 27-8, chúng ném bom xuống thôn Lôi Động, xã Hoàng Động phá một đoạn đê dài 30 mét. Huyện đã huy động hàng trăm dân quân bồi túc suốt ngày đêm và sáng ngày 29 hoàn thành. Cũng trong ngày 29, máy bay Mỹ ném bom xuống thôn Bính Động, xã Hoa Động, làm chết 1 người, bị thương nhiều người. Ngày 22-9, chúng bắn tên lửa xuống địa bàn Phù Ninh, Vũ Lao, Thủy Sơn... Từ trung tuần tháng 12-1972, đế quốc Mỹ mở chiến dịch tập kích bằng B52 vào thủ đô Hà Nội và thành phố Cảng Hải Phòng. Chúng ném bom xuống các khu vực đông dân cư, kho tàng, nhà ga, hệ thống giao thông. Ngày 18-12-1972, máy bay Mỹ ném 12 quả bom tấn và hàng trăm quả bom bi xuống xóm Đồng Sim, xã An Lư, làm chết và bị thương 115 người, phá hủy 54 nóc nhà. Các lực lượng cứu thương, cứu hỏa, cứu sập hầm đã có mặt kịp thời để giải quyết hậu quả. Cấp ủy đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể trong huyện đã phát động phong trào "Nhường cơm sẻ áo" tương trợ, giúp đỡ những gia đình bị nạn sớm ổn định cuộc sống.

Từ tháng 4 đến hết tháng 12 năm 1972, máy bay Mỹ ném bom xuống Thủy Nguyên 7.781 quả bom các loại, ở 95 điểm, giết chết 81 người, làm bị thương 283 người và 300 ngôi nhà cùng nhiều tài sản khác bị phá hủy. Chỉ

tính trong 12 ngày (từ ngày 18 đến ngày 29-12-1972), giặc Mỹ bắn phá vào huyện 17 lần. Lực lượng dân quân tự vệ đã dũng cảm chiến đấu, góp phần cùng quân dân Hà Nội - Hải Phòng làm nên chiến thắng lịch sử "Điện Biên Phủ trên không". Ngày 27-1-1973, Mỹ buộc phải ký Hiệp định Pari về *Chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam*. Ngày 29-3-1973, quân đội Mỹ bắt đầu rút quân khỏi miền Nam Việt Nam.

Hiệp định Pari được ký kết là thắng lợi to lớn, tạo thời cơ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta tới thắng lợi hoàn toàn. Sau hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tình hình kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn. Hòa bình lập lại, nhiệm vụ lớn nhất là ổn định đời sống nhân dân, hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội, góp phần chi viện cao nhất sức người, sức của cho giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Để nhanh chóng khôi phục kinh tế, Thủy Nguyên tăng cường dịch vụ sản xuất, xây dựng nhà kho, sân phơi, chuồng trại chăn nuôi, trang bị thêm nhiều xe cải tiến, thuyền,

bơm thuốc trừ sâu... Thủy lợi được chú trọng, đảm bảo đủ nước cho sản xuất. Các tuyến đường liên thôn, liên xã được tu sửa và đắp mới, góp phần giải phóng đôi vai. Huyện đã đầu tư 1.600.000 đồng làm 4 kênh lớn, tiêu nước cho 475 ha. Giống lúa mới được triển khai rộng trên địa bàn huyện, góp phần đưa năng suất lúa lên cao. Tổng năng suất lúa hàng năm đều tăng: Năm 1973 đạt 47 tạ/ha, tăng 3 tạ so với năm 1972. Hai năm 1974 - 1975, Thủy Nguyên liên tiếp được mùa và cũng là những năm đầu tiên huyện đạt 5 tấn/ha. Phong trào chăn nuôi phát triển, đàn lợn đạt 50.000 con, gia cầm trên 200.000 con. Phong trào nuôi cá, tôm đã mở rộng diện tích, đảm bảo kỹ thuật, xây dựng cống, mương để lấy cá giống vào đồng. Tổng sản lượng cá nuôi hàng năm đạt trên 175 tấn, tôm 70 tấn. Nghề cá biển phát triển đánh cá lưới đèn. Huyện tập trung thiết bị 2 thuyền máy 55 mã lực, tăng thêm lao động cho hợp tác xã Hải Thành (Phả Lễ), Thống Nhất (Trung Hà). Mỗi năm toàn huyện đánh bắt được trên 2.000 tấn tôm, cá.

Ngành tiểu thủ công nghiệp địa phương gặp nhiều khó khăn về vật tư và tiêu thụ nên một số hợp tác xã chuyển hướng sản xuất các mặt hàng mới. Hợp tác xã Minh Khai (Minh Tân) chuyển sang làm bát, ống sành. Quyết Thắng (Thiên Hương) sản xuất các mặt hàng thủy tinh. Phương Thành (Mỹ Đồng) chuyển làm mì sợi. Năm 1974, xí nghiệp Đất đèn Tràng Kênh vượt kế hoạch 20%; xí nghiệp Đá Phi Liệt đạt 102% kế hoạch, bằng 150,93% so với năm 1973. Năm 1974, tổng giá trị sản lượng của ngành tiểu thủ công nghiệp đạt 8,6 triệu đồng. Các hợp tác xã Phương Thành, Quyết Thắng và Hợp Lực (Thủy tinh) là lá cờ đầu của ngành tiểu



Xác máy bay A37 của Mỹ bị bắn rơi tại Gia Đước ngày 06-8-1972

thủ công nghiệp thành phố, được Chính phủ và thành phố tặng thưởng nhiều bằng khen và Huân chương Lao động hạng Ba. Ngành giao thông vận tải đã thực hiện vượt mức kế hoạch 104 tấn hàng và hoàn thành kế hoạch cải tạo mặt đường, làm đường giao thông liên thôn. Hợp tác xã vận tải Minh Tiến (Minh Tân) vẫn phát huy truyền thống là đơn vị lá cờ đầu của ngành giao thông vận tải thành phố.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, lĩnh vực văn hóa - xã hội có những phát triển mới. Phong trào xây dựng nếp sống mới ở nông thôn được nhân dân hưởng ứng sôi nổi. Nhiều phòng học được xây mới. Các trường được bổ sung thiết bị học tập, bàn ghế... số học sinh đi học ngày càng tăng. Chất lượng dạy và học của giáo viên và học sinh chưa được nâng lên nhiều, có nơi kém dần.

Hướng về miền Nam, hằng năm, Thủy Nguyễn đều hoàn thành nghĩa vụ lương thực với Nhà nước. Công tác tuyển quân chi viện cho chiến trường, dù còn nhiều khó khăn vẫn luôn hoàn thành. Chính sách hậu phương quân đội được thực hiện tốt là nguồn động viên rất lớn cho những anh em lên đường nhập ngũ. Mỗi năm, Thủy Nguyễn có 1.500 - 2.000 thanh niên nhập ngũ. Hai năm 1974 - 1975, nhu cầu chi viện cho chiến trường lớn, huyện đã huy động tới 3.000 người nhập ngũ, vượt chỉ tiêu 4%.

Tháng 1-1973, Công an thành phố tổ chức hội nghị cán bộ, đề ra các biện pháp cụ thể: Tiếp tục thực hiện kế hoạch phản gián 5 năm (1971 - 1975), phát hiện bọn gián điệp ẩn nấp và bọn mới xâm nhập, phòng chống gián điệp biệt kích, giữ gìn bí mật Nhà nước, chống chiến tranh tâm lý, chống trốn, chống bọn phản động mới; đồng thời thực hiện những biện pháp cấp bách giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh kiên quyết, trừng trị nghiêm khắc bọn tội phạm hình sự, làm giảm tới mức thấp nhất các loại trọng án. Công an

huyện tổ chức sơ kết và khắc phục những tồn tại trong thế trận phản gián của địa phương. Phong trào bảo vệ trị an, xây dựng xã vững mạnh và đơn vị an toàn đã thể hiện tinh thần cảnh giác cách mạng của cán bộ, công nhân viên và nhân dân. Các xã Phù Ninh, Hợp Thành, Hoa Động, Thủy Đường, An Lư, Phả Lễ đã dập tắt việc truyền bá “*Kinh Di lịch*” gây hoang mang trong nhân dân về vận hạn, lo sợ chiến tranh... Các xã ven sông Bạch Đằng, của Nam Triệu phát hiện những nghi vấn về sự xâm nhập của biệt kích và Công an huyện bố trí lực lượng theo dõi. Công an huyện đã tập trung rà soát các đối tượng hình sự và lập hồ sơ đưa 53 đối tượng đi cải tạo.

Ngày 12-1-1974, Bộ Chính trị ra nghị quyết 228 về “*Đấu tranh chống lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, chống làm ăn phi pháp*”. Huyện thành lập Ban Chỉ đạo và tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành, có cán bộ, chiến sĩ công an huyện tham gia, để thực hiện toàn diện các nội dung của nghị quyết. Nhân dân đã cung cấp 618 nguồn tin về xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa của các loại tội phạm. Công an đã phối hợp với lực lượng dân quân các xã ven sông, ven cảng, tổ chức lực lượng tuần tra, quản lý phương tiện và những người làm nghề sông nước, nhằm ngăn chặn tệ móc ngoặc, trộm cắp tài sản nhà nước trên các tuyến vận tải; thẩm tra, xác minh tin tố giác của nhân dân báo cáo với Ban Chỉ đạo về các hình thức xử lý đối với 193 vụ trộm cắp, móc ngoặc, 56 vụ tham ô, 31 vụ vi phạm chính sách quản lý kinh tế.

Ngày 30-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Miền Nam được giải phóng. Non sông Việt Nam bao năm bị chia cắt được thống nhất. Nhân dân Thủy Nguyễn hòa chung niềm vui, mít tinh mừng thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Đất nước bước vào kỷ nguyên mới: *Độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội*.